TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày: 05/01/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Hưng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tìm

Bà Nguyễn Thị Quy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuần - Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2018, tại hội trường xét xử TAND huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2017/HSST ngày 14/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2017/QĐXXST-HS ngày 12/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST-HS ngày 26/12/2017, đối với các bị cáo:

1. ĐẶNG VĂN D, sinh năm: 1978; Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: Thôn B, xã H, huyện V, TP. Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn V; Con bà: Nguyễn Thị N (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị P và có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án:

- Bản án số 12/2013/HSST ngày 29/3/2013 của TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 10.000.000 đồng).

- Bản án số 13/2014/HSST ngày 18/02/2014 của TAND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản

1 Đ138 BLHS (hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm), tổng hợp với hình phạt của bản án 12/2013/HSST ngày 29/3/2013 của TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, là 30 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2016, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 13/4/2014 (đến nay chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2017 và chuyển lệnh tạm giam tại trại giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 22/9/2017 đến nay.

Có mặt.

2. NGUYỄN ĐẮC T, SN: 1983; Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: Thôn P, xã H, huyện V, TP. Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đắc X (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N; Bị cáo có vợ là Hà Thị G và có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án; **tiền sự:** Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2017 và chuyển lệnh tạm giam tại trại giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 22/19/2017 đến nay.

Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/9/2017, Đặng Văn D cùng bạn là Nguyễn Đắc T đi xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS 34B1 – xxx.xx (xe T mượn của em gái là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, trú tại: Thôn P, xã H, huyện V, TP. Hải Phòng) do D điều khiển đến thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương chơi. D phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại LEAD sơn màu vàng, BKS 34B3 – xxx.xx của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969, trú tại: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương, dựng trước cửa ngôi nhà đang xây dựng ở khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Lúc này, bà M đang ở trong nhà, xe mô tô không khóa cổ, khóa càng, D nảy sinh ý định chiếm đoạt

chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu xài. D dừng xe cách đó khoảng 7m và bảo T cảnh giới cho D vào lấy xe, T đồng ý. D đi bộ đến vị trí xe LEAD, dùng vam bằng kim loại đem theo giấu trong túi quần đang mặc chọc vào ổ khóa điện, vặn nhiều lần để phá khóa nhưng không được nên dắt chiếc xe này, còn T điều khiển xe SIRIUS theo sau. Lúc này, bà M từ trong nhà đi ra thấy D đang dắt chiếc xe của mình đi vào đường ngõ trong khu dân cư nên gọi điện báo cho Công an thị trấn Phú Thái phối hợp truy bắt. D dắt xe ra đến khu đất trống tiếp tục dùng vam phá ổ khóa điện nhưng không được, rồi dùng hai tay giật mở yên xe, lấy trong cốp 1 chiếc tua vít bằng kim loại, cán nhựa màu đen, dài 13,5cm, 1 đầu 4 cạnh, 1 đầu 2 cạnh, D tháo 2 gương chiếu hậu, dùng tua vít tháo mặt nạ phía trước của xe, giật đứt 10 dây điện của xe rồi đấu điện để nổ máy nhưng không được nên tiếp tục dắt xe đi về hướng ga P, T vẫn điều khiển xe SIRIUS đi theo. Khi đến khu A, thị trấn P thì bị lực lượng Công an thị trấn P cùng bà M và quần chúng nhân dân phát hiện, bắt quả tang D, thu giữ chiếc xe LEAD cùng mặt nạ trước, 2 gương chiếu hậu bị tháo rời và chiếc tua vít, còn T điều khiển xe SIRIUS bỏ chạy. Đến 19h ngày 19/9/2017, T ra đầu thú tại Công an huyện Kim Thành.

Tại kết luận định giá tài sản số 40/KL-HDĐG ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Kim Thành kết luận: xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại LEAD sơn màu vàng, BKS 34B3 – xxx.xx trị giá 37.450.000 đồng.

Qúa trình phạm tội, các bị cáo làm hư hỏng, không thể sửa chữa, khôi phục được bộ khóa điện và bộ điều khiển động cơ (IC). Kết luận định giá tài sản số 43b/KL-HDĐG ngày 16/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Kim Thành kết luận: bộ khóa điện thiệt hại trị giá 1.337.000 đồng, IC thiệt hại trị giá 3.210.000 đồng, tổng là 4.547.000đồng.

Về vật chứng:

Ngày 19/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành đã trả cho bà M chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại LEAD sơn màu vàng, BKS 34B3 – xxx.xx.

Đối với bộ khóa điện và IC không còn giá trị sử dụng nên cơ quan điều tra đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành quản lý theo quy định.

Đối với chiếc vam D sử dụng làm công cụ phạm tội, trong quá trình bỏ chạy D làm rơi nên không thu giữ được.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS 34B1 – xxx.xx, T đã trả lại cho chị H, cơ quan điều tra đã xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Phạm Thị T, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã G, huyện V, TP. Hải Phòng (chị T cho chị H mượn), không có căn cứ xác định chị H, chị T biết các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Hiện chị T đang quản lý chiếc xe này.

Về trách nhiệm dân sự: Bà M yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị bộ khóa điện và IC bị hỏng là 4.547.000đ.

Tại Cáo trạng số 76/VKS-HS ngày 13/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành đã truy tố bị cáo Đặng Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo Nguyễn Đắc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là bà Nguyễn Thị M đã nhận bồi thường 2.273.500đ từ gia đình bị cáo T (do bị cáo tác động đến gia đình) và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Còn lại 2.273.500đ bà M đề nghị Tòa án buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bà.

Đại diện VKSND huyện Kim Thành giữ nguyên Cáo trạng truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội xem xét tình tiết, tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn D và Nguyễn Đắc T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015). Xử phạt bị cáo Đặng Văn D từ 30 đến 33 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 18/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc T từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/9/2017.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015).

Về vật chứng: do bà M không yêu cầu nhận lại bộ khóa điện và IC bị hỏng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà M giá trị bộ khóa điện và IC bị hỏng còn lại là lại 2.273.500đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 1.136.800đ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại xuất trình các tài liệu, chứng cứ phù hợp quy định của pháp luật và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra cũng như lời khai của người bị hại, người làm chứng. Những chứng cứ này cũng phù hợp khách quan với những tài liệu điều tra khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 18/9/2017, tại khu vực trước cửa nhà đang xây dựng của ông Nguyễn Xuân V ở khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, lợi dụng không có người trông coi, Đặng Văn D và

Nguyễn Đắc T đã có hành vi cậy phá ổ khóa điện, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại LEAD sơn màu vàng, BKS 34B3 – xxx.xx của bà Nguyễn Thị M trị giá 37.450.000đ.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mưu lợi cá nhân, lười lao động bị cáo đã có hành vi lén lút cố ý chiếm đoạt tài sản của bà M, xâm phạm đến quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện trước ngày 01/01/2018 nhưng bị xét xử sau ngày 01/01/2018, tuy nhiên điều luật quy định về hành vi phạm tội của các bị cáo không có gì thay đổi nên việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo Điều 138 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Về định khung: Ngày 29/3/2013 bị cáo D bị TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 18/02/2014, TAND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xử phạt D 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Đ138 BLHS (hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm), tổng hợp với hình phạt của bản án 12/2013/HSST ngày 29/3/2013 của TAND huyện Ninh Giang, là 30 tháng tù, D chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2016, đến nay chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên bị truy tố về tội trộm cắp tài sản theo tình tiết "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 (tương ứng với điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015). Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự nên bị truy tố về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (tương ứng với khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015). Việc truy tố các bị cáo của VKSND huyện Kim Thành là đúng người, đúng tội.

[4] Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm về hành vi trộm cắp tài sản nhưng là đồng phạm giản đơn, D là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, còn T đồng phạm với vai trò giúp sức.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (tương ứng với điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015).

Đối với bị cáo D bị truy tố theo điểm c khoản 2 138 BLHS năm 1999 nhưng giá trị tài sản bị chiếm đoạt không đến 50.000.000đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn", hơn nữa bố bị cáo là ông Đặng Văn V được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nên bị cáo D được hưởng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ tại điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (tương ứng với điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015).

Đối với bị cáo T, bị cáo tác động đến gia đình để bồi thường cho bà M 2.273.500đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ 'người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại", được bà M xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 19/9/2017 bị cáo đầu thú, do vậy bị cáo T được hưởng thêm 3 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (tương ứng với điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015).

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình phạm tội, các bị cáo làm hư hỏng, không thể sửa chữa, khôi phục được bộ khóa điện và bộ điều khiển động cơ (IC), bà M yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị bộ khóa điện và IC bị hỏng là 4.547.000đ. Tuy nhiên bị cáo T đã bồi thường cho bà M 2.273.500đ, bà M tiếp tục yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường 2.273.500đ còn lại. Căn cứ khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999 (tương ứng với khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015), khoản 1 Điều 584, 587, 589 của BLDS năm 2015, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà M 2.273.500đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 1.136.800đ (đã làm tròn số).

Chiếc xe máy các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bà M nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS 34B1 – xxx.xx, T đã trả lại cho chị H, cơ quan điều tra đã xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Phạm Thị T(chị T cho chị H mượn), không có căn cứ xác định chị H, chị T biết các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Hiện chị T đang quản lý chiếc xe này nên HĐXX không giải quyết.

Đối với chiếc vam D sử dụng làm công cụ phạm tội, trong quá trình bỏ chạy D làm rơi nên không thu giữ được do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với bộ khóa điện và IC không còn giá trị sử dụng và bà M không có đề nghị xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn D** và bị cáo **Nguyễn Đắc T** phạm tội: **Trộm cắp tài sản.**

2/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Đặng Văn D 33 (ba mươi ba) tháng tù**,** thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2017.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 468, khoản 1 Điều 584, 587, 589 của BLDS năm 2015, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969, trú tại: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương 2.273.500đ (hai triệu hai trăm bẩy mươi ba nghìn năm trăm đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường 1.136.800đ (một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

4/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015, tịch thu và tiêu hủy 01 bộ khóa điện xe máy và 01 bộ điều khiển động cơ xe máy (IC) bằng kim loại (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Kim Thành với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành ngày 17/11/2017).

5/ Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Buộc mỗi bị cáo

phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, bị hại. Báo cho các bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- Công an huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng